TOÀ ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 6 - QUẢNG NINH**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 142/2026/QĐST-HNGĐ	*Quảng Ninh, ngày 03 tháng 8 năm 2026*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 201/2026/TLST-HNGĐ ngày 09 tháng 7 năm 2026, giữa:

- Nguyên đơn: Chị **Vy Thị N**, sinh năm: 1990; căn cước công dân số 022190004252 do Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội cấp ngày 10/11/2022.

- Bị đơn: Anh **Vũ Tuấn A**, sinh năm: 1988; căn cước công dân số 022088003151 do Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội cấp ngày 10/11/2022.

Đều có nơi thường trú: khu phố T (nay là khu phố T), phường M, tỉnh Quảng Ninh.

Căn cứ vào khoản 4 Điều 147; khoản 1, khoản 2 Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, 58, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ vào khoản 7 Điều 26; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 13 tháng 4 năm 2026.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 24 tháng 7 năm 2026 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Vy Thị N và anh Vũ Tuấn A.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- *Về quan hệ hôn nhân:* chị Vy Thị N và anh Vũ Tuấn A thống nhất thuận tình ly hôn.

- *Về con chung:* chị Vy Thị N và anh Vũ Tuấn A có 02 (hai) con chung là Vũ Gia B, sinh ngày 16/11/2017 và Vũ Bảo V, sinh ngày 21/8/2022. Nay ly hôn, chị N và anh Tuấn A thống nhất thỏa thuận như sau: chị Vy Thị N trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cả hai con chung kể từ tháng 08/2026 cho đến khi các con chung thành niên (đủ 18 tuổi), anh Tuấn A có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở; về cấp dưỡng nuôi con chung, các bên tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Các đương sự có quyền, nghĩa vụ đối với con chung theo quy định của pháp luật; trên cơ sở lợi ích của con chung, các đương sự có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn theo quy định tại Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình.

- *Về tài sản chung và nợ chung:* chị Vy Thị N và anh Vũ Tuấn A tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Về án phí:* chị Vy Thị N tự nguyện chịu 150.000đ (một trăm năm mươi nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm, được trừ vào số tiền 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí chị N đã nộp theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí số 0000130 ngày 09/7/2026 của Thi hành án dân sự tỉnh Quảng Ninh; trả lại cho chị N số tiền 150.000đ (một trăm năm mươi nghìn đồng). Chị N đã nộp đủ án phí.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 4, 6 và 7 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 34 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Quảng Ninh;
- VKSND tỉnh Quảng Ninh;
- VKSND khu vực 6 - Quảng Ninh;
- Phòng THADS khu vực 6 - Quảng Ninh;
- UBND phường Móng Cái 2, tỉnh Quảng Ninh;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Vương Thị Thanh